

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 30/NQ-HĐND, ngày 07/7/2023 về danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An và số 31/NQ-HĐND, ngày 07/7/2023 về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện công trình, dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6078/TTr-STNMT ngày 05 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung 35 công trình, dự án với tổng diện tích sử dụng đất 35,00 ha vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Vinh đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 24/4/2023.

(Có Danh mục công trình, dự án cụ thể kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, UBND thành phố Vinh có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố công khai bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định.
2. Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, bổ sung.

4. Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 khi lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở, thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT NN UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (X.Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2023 THÀNH PHỐ VINH**  
(ban hành kèm theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng vào loại đất																				Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Nghị quyết	
					LUA	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DSH	DTL	ONT	ODT	TSC	SKK	NTD	DNL	TIN	SON	MNC	CSD				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)		
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án sử dụng vào mục đích an ninh</b>																										
1	Trụ sở công an xã Hưng Lộc	0.24		0.24																				0.24	xã Hưng Lộc		
2	Trụ sở công an xã Nghi Liên	0.28		0.28		0.01																		0.27	xã Nghi Liên		
<b>II</b>	<b>Công trình, dự án đã được HDND tỉnh thông qua chủ trương thu hồi đất, CMBSD đất trồng lúa</b>																										
<b>II.1</b>	<b>Công trình, dự án giao thông</b>																										
1	Nâng cấp đường Lương Lương, xã Nghi Liên (giai đoạn 1)	0.60		0.60	0.02																				phường Hưng Bình	30,31	
2	Xây dựng đường Lương Đình Cửa	0.07		0.07											0.07										phường Quang Trung	30	
3	Cải tạo, nâng cấp đường 2001 và tuyến nhánh thuộc khối Hưng Phúc	0.10		0.10											0.10										phường Hưng Phúc	30	
4	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Quốc Trị	0.05		0.05											0.05										phường Hưng Phúc	30	
5	Mở rộng đường Kim Đồng (phần còn lại)	0.15		0.15											0.15										phường Hưng Phúc	30	
6	Xây dựng đường Lê Mao kéo dài (giai đoạn 2)	2.00		2.00		0.03		0.04			0.18				1.40							0.20	0.15		phường Vinh Tân	30	
7	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo kéo dài (đoạn từ đường Đặng Thái Thân đến đường Hồ Hữu Nhân)	0.54		0.54				0.16		0.05	0.04				0.21						0.07		0.01		phường Vinh Tân	30	
		1.67		1.67				0.57	0.19	0.05	0.79												0.07		phường Cửa Nam		
8	Xây dựng đường Lê Ninh (đoạn còn lại)	0.80		0.80	0.05																				phường Quán Bầu	30	
9	Xây dựng đường Lê Ngọc Hân	0.88		0.88	0.29	0.32	0.01								0.61										xã Nghi Đức	30, 31	
10	Xây dựng đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2)	1.00		1.00	0.10																				xã Nghi Đức; xã Nghi Phú	30, 31	
11	Xây dựng đùm quy hoạch 18m từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Hoàng Nghĩa Lương	0.14		0.14											0.14										phường Lê Lợi	30	
12	Cải tạo vỉa hè đường Lê Hồng Phong	0.08		0.08						0.01					0.05	0.02									phường Trường Thi, phường Hưng Bình	30	
13	Nâng cấp đường Lê Thiết Hùng	0.30		0.30						0.01					0.29										phường Bến Thủy	30	
<b>II.2</b>	<b>Công trình, dự án thủy lợi</b>																										
1	Xây dựng hồ chứa nước tưới và nâng cấp hạ tầng vùng sản xuất rau an toàn xóm Vinh Xuân	0.70		0.70	0.07	0.56		0.02			0.03		0.02													xã Hưng Đông	30, 31
<b>II.3</b>	<b>Công trình, dự án văn hóa</b>																										
1	Xây dựng nhà văn hóa xóm Xuân Tín	0.08		0.08			0.08																			xã Nghi Đức	30

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng vào loại đất																			Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Nghị quyết
					LUA	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DSH	DTL	ONT	ODT	TSC	SKK	NTD	DNL	TIN	SON	MNC	CSD		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)
2	Xây dựng nhà văn hóa xóm Xuân Hoa	0.04		0.04			0.04																	xã Nghi Đức	30
3	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa khối 8 và tái định cư khối 8	0.13		0.13	0.11										0.02									phường Lê Lợi	30,31
<b>II.4</b>	<b>Công trình, dự án năng lượng</b>																								
1	Chống quá tải, cải tạo, giảm tổn thất điện năng trên lưới điện trung hạ áp huyện Nghi Lộc và lân cận	0.06		0.06	0.06																			xã Nghi Liên	30,31
2	Cây TBA, giảm bán kính cấp điện, giảm TTDN các TBA khu vực thị xã Cửa Lò	0.02		0.02	0.02																			xã Nghi Ân, xã Nghi Đức	30,31
<b>II.5</b>	<b>Công trình, dự án cơ sở giáo dục đào tạo</b>																								
1	Xây dựng mới trường THPT chuyên Phan Bội Châu	4.98		4.98	4.60	0.04	0.05					0.14	0.15											xã Nghi Ân	30,31
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng cơ sở II - Trường Đại học Vinh	12.92		12.92	11.69			11.69			1.00	0.21	0.01				0.01							xã Nghi Ân	30,31
<b>II.6</b>	<b>Công trình, dự án cơ sở thể dục thể thao</b>																								
1	Xây dựng sân vận động xã Nghi Đức	0.15		0.15			0.10															0.05		xã Nghi Đức	30
<b>II.7</b>	<b>Công trình, dự án đất ở nông thôn</b>																								
1	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm 8, xã Hưng Chính (phần diện tích còn lại)	2.01		2.01	1.80							0.03		0.08			0.13	0.03	0.03					xã Hưng Chính	30,31
2	Hạ tầng khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Ngũ Lộc (phần còn lại)	0.10		0.10		0.04	0.01							0.04								0.01		xã Hưng Lộc	30
3	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp 24 hộ dân ra khỏi vùng thiên tai tại xóm Thuận Hòa, xã Hưng Hòa	1.87		1.87	1.87																			xã Hưng Hòa	30,31
4	Hạ tầng khu dân cư (chia lô đất ở dân cư để đầu tư và tái định cư) xóm Xuân Bình 13 (vị trí 4), xã Nghi Đức	0.94		0.94		0.87	0.01				0.04		0.01	0.01										xã Nghi Đức	30
5	Khu tái định cư đường 72m	0.03		0.03										0.03										xã Nghi Phú	64
<b>II.8</b>	<b>Công trình, dự án đất ở đô thị</b>																								
1	Xây dựng khu đô thị mới Cửa Tiên (phần còn lại)	0.84		0.84											0.84									phường Vinh Tân	30
2	Xây dựng Trung tâm thương mại và chung cư cao tầng (BMC Vinh Plaza)	0.15		0.15					0.15															phường Quán Bàu	30
3	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại khối 2 (phần còn lại)	0.58		0.58											0.58									phường Bến Thủy	30

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Diện tích tăng thêm	Sử dụng vào loại đất																		Địa điểm thực hiện (đến cấp xã)	Nghị quyết		
					LUA	HNK	CLN	NTS	TMD	SKC	DGT	DSH	DTL	ONT	ODT	TSC	SKK	NTD	DNL	TIN	SON	MNC			CSD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	
4	Khu quy hoạch chia lô đất ở xi nghiệp xây dựng số 1 - Công ty xây dựng số 6, khối 7 (lô đất số 18, 19 và 71)	0.03		0.03											0.03										phường Bến Thủy	30
III	<b>Công trình, dự án đăng ký vào KHSDD để thực hiện thuê đất</b>																									
1	Khu nhà ở Yên Hòa (thuê đất phần ngầm)	0.26		0.26											0.26										phường Quán Bàu	
IV	<b>Công trình, dự án đã có trong KHSDD, đề xuất điều chỉnh diện tích, loại đất lấy vào</b>																									
1	Cải tạo ĐZ 110kV Hưng Đông - Can Lộc và Hưng Đông - Linh Cảm	0.21		0.21	0.06			0.01				0.03	0.02		0.01		0.02							0.06	phường đông Vinh, xã Hưng Chính	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35.00</b>		<b>35.00</b>	<b>20.74</b>	<b>1.87</b>	<b>0.20</b>	<b>12.59</b>	<b>0.19</b>	<b>0.27</b>	<b>2.08</b>	<b>0.06</b>	<b>0.40</b>	<b>0.93</b>	<b>4.20</b>	<b>0.02</b>	<b>0.02</b>	<b>0.14</b>	<b>0.03</b>	<b>0.03</b>	<b>0.07</b>	<b>0.20</b>	<b>0.86</b>			

